

Số: 47/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2022/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2022 về: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXX- DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T2; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà D, số D, Lê Văn L, khu đô thị M, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Sỹ B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sơn T; địa chỉ: Chi nhánh Công ty cổ phần T2 tại Đồng Tháp; đường V, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, theo Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2021; ông Nguyễn Trung T1; địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, theo Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2022 và ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số A - A - 148, đường số A, khu phố E, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, theo Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1983; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, An Giang; địa chỉ hiện tại: Tổ E, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, có mặt anh L1; vắng mặt ông Nguyễn Hoàng H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/5/2021 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, các ông Nguyễn Trung T1, Nguyễn Văn L1 – đại diện theo ủy quyền cho Công ty Cổ phần T2 trình bày:

Vào ngày 22/01/2020 Chi nhánh Công ty Cổ phần T2 tại Đồng Tháp (gọi tắt Công ty T2) với ông Nguyễn Hoàng H có ký hợp đồng liên kết sản xuất lúa bao tiêu vụ Đông xuân 2019 – 2020 số 04/HĐLKST&TT (gọi tắt là hợp đồng số 04/HĐLKST&TT), theo đó:

- Công ty T2 nhận bao tiêu và mua lúa DS1 của ông Nguyễn Hoàng H với diện tích 1.000 công đất;
- Ngày xuống giống lần 1 là 01/10/2020;
- Ngày xuống giống lần 2 là ngày 30/10/2020;
- Dòng đời sinh trưởng của lúa DS 1 là 115 đến 120 ngày;
- Giá lúa, theo giá thị trường trước 15 ngày cắt.

Để thực hiện hợp đồng, ngay trong ngày 22/01/2020 ông Nguyễn Hoàng H có nhận tiền cọc của Công ty T2 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận cọc ông H không phối hợp cùng Công ty để thực hiện và giao lúa theo thỏa thuận. Nhiều lần Công ty T2 tìm đòi thì ông H lẩn tránh.

Căn cứ theo đoạn 3 Điều 3 của hợp đồng số 04/HĐLKST&TT ngày 22/01/2020 thì nếu bên B không giao đủ số lượng lúa với diện tích đã ký và đảm bảo chất lượng thì phải hoàn trả lại cọc gấp đôi (tức là 200%).

Do đó, nay Công ty T2 yêu cầu ông Nguyễn Hoàng H phải trả lại cho Công ty T2 500.000.000 đồng tiền đặt cọc và bồi thường 01 khoản trị giá 500.000.000 đồng, tổng cộng bằng 1.000.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được thông báo hợp lệ tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt, không lý do.

Tại phiên tòa, ông L1 – đại diện theo ủy quyền cho Công ty T2 bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên.

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền tố tụng của mình.

Về nội dung: Công ty T2 kiện ông Nguyễn Hoàng H phải thanh toán 500.000.000 đồng tiền nhận cọc và bồi thường khoản tiền cọc tương đương 500.000.000 đồng, trên cơ sở hợp đồng số 04/HĐLKST&TT và phiếu chi cùng ngày 22/01/2020 cũng như cam kết trả nợ ngày 12/4/202 là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Ông **Nguyễn Hoàng H** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do, do đó HĐXX tiến hành xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt, theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu – thẩm quyền: Hợp đồng ký kết ngày 22/01/2020. Quá trình thực hiện, ngày 12/4/2020 ông **H** cam kết đến ngày 02/5/2020 trả 150.000.000 đồng, ngày 15/5/2020 trả 350.000.000 đồng, nhưng ông không thực hiện, nên ngày 10/5/2021 **Công ty T2** khởi kiện là còn trong thời hiệu quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự; khi ký kết hợp đồng, ông **H** ở địa chỉ tại **huyện T**, nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: **Công ty T2** cho rằng ông **H** đã nhận cọc, nhưng không thực hiện một giao dịch dân sự, nên khởi kiện. Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Căn cứ hợp đồng số 04/HĐLKST&TT ngày 22/01/2020, HĐXX xét thấy:

Công ty T2 có nhận bao tiêu và mua lúa DS1 của ông **Nguyễn Hoàng H** với diện tích 1.000 công đất ... theo giá thị trường trước 15 ngày cắt. Để thực hiện hợp đồng, ngay trong ngày 22/01/2020 ông **H** nhận tiền cọc của **Công ty T2** 500.000.000 đồng, nhưng sau khi nhận cọc ông **H** không phối hợp cùng Công ty để thực hiện và giao lúa theo thỏa thuận. Nhiều lần **Công ty T2** tìm đòi thì ông **H** lần tránh... Ngày 12/4/2020 ông **H** có cam kết với **Công ty T2** đến ngày 02/5/2020 trả 150.000.000 đồng và ngày 15/5/2020 trả 350.000.000 đồng, nhưng ông **H** vẫn không thực hiện, nên **Công ty T2** khởi kiện là có căn cứ.

Trên cơ sở đơn khởi kiện của **Công ty T2**, Tòa án thông báo cho ông **H** trên phương tiện thông tin theo quy định của pháp luật, nhưng ông **H** không ý kiến phản bác, nên được xem khởi kiện của Công ty là có cơ sở.

Tại phiên tòa, **Công ty T2** giữ nguyên yêu cầu ông **H** phải hoàn trả lại cọc gấp đôi (tức là 200%). Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật dân sự quy định: “*Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng*”.

Theo hợp đồng số 04/HĐLKST&TT ngày 22/01/2020 giữa Công ty T2 với ông H đã ký kết, đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật dân sự thì Công ty T2 khởi kiện là hoàn toàn phù hợp, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng, Công ty T2 đã tạm ứng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với tổng số tiền 4.500.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00001699 ngày 24/8/2023 của Báo Công L2 số tiền 3.000.000 đồng và hóa đơn giá trị gia tăng số 382 ngày 25/8/2023 của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình tại thành phố Hồ Chí Minh số tiền 1.500.000 đồng. HĐXX buộc ông Nguyễn Hoàng H thanh toán lại cho công ty T2.

[6]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của công ty T2 được chấp nhận, nên công ty T2 không phải chịu án phí; hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà công ty T2 phải nộp. Riêng ông Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ của ông phải trả cho Công ty T2 1.000.000.000 đồng, theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2 – Chi nhánh tại Đồng Tháp.

Buộc ông Nguyễn Hoàng H có nghĩa vụ trả lại cho Công ty T2 – Chi nhánh tại Đồng Tháp 500.000.000 đồng tiền cọc và khoản tiền bằng 500.000.000 đồng (tương đương giá trị tài sản đặt cọc), tổng cộng bằng 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hoàng H thanh toán lại cho Công ty Cổ phần T2 – Chi nhánh tại Đồng Tháp 4.500.000 đồng, bao gồm: 3.000.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00001699 ngày 24/8/2023 của Báo Công Lý số và 1.500.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 382 ngày 25/8/2023 của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình tại thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng H phải chịu 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang hoàn trả cho Công ty Cổ phần T2 – Chi nhánh tại Đồng Tháp 21.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0003795 ngày 02/6/2022

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ